

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đính chính một số nội dung tại các Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 và Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến Luật Quy hoạch năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;*

*Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, giai đoạn 2015-2025; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị và mở rộng diện tích vùng phụ cận Thị trấn Yên Châu, giai đoạn 2020-2025; Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị và mở rộng diện tích vùng phụ cận thị trấn Yên Châu, giai đoạn 2020-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 443/TTr-SXD ngày 12 tháng 12 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đính chính một số nội dung tại các Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 và Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh như sau:

**1. Nội dung đính chính**

**1.1.** Đính chính thay đổi hệ số sử dụng đất khu số 1 tại Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh:

| STT | Ký hiệu  | Nội dung đính chính các chỉ tiêu sử dụng đất                                                                                      |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | CC-09    | Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,8 thành 1.2; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 3                                             |
| 2   | CQ-1     | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 3,6; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 3 thành 9  |
| 3   | CQ-4     | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,6 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 5  |
| 4   | CQ-4.1   | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,6 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 5  |
| 5   | CQ-4.2   | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,6 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 5  |
| 6   | HT-71    | Thay đổi mật độ xây dựng từ 40% thành 80%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,8 thành 2,4; Thay đổi số tầng cao tối đa từ: 2 thành 3 |
| 7   | HT-72    | Thay đổi mật độ xây dựng từ 40% thành 80%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ: 0,8 thành 2,4; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 3 |
| 8   | HT-78.1  | Thay đổi mật độ xây dựng từ 40% thành 80%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ: 0,8 thành 2,4; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 3 |
| 9   | HT-78.2  | Thay đổi mật độ xây dựng từ 40% thành 80%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ: 0,8 thành 2,4; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 3 |
| 10  | HT-79    | Thay đổi mật độ xây dựng từ 40% thành 80%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ: 0.8 thành 2.4; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 3 |
| 11  | TDTT-1.1 | Thay đổi mật độ xây dựng từ: 0% thành 10%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,0 thành 0,3; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 0 thành 3  |

**1.2. Đính chính thay đổi mật độ xây dựng khu số 2 tại Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh:**

| STT | Ký hiệu | Nội dung đính chính các chỉ tiêu sử dụng đất                                                                                     |
|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | CAQ-1   | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 3 thành 5 |
| 2   | CAQ-2   | Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa 3 thành 5                                               |

| STT | Ký hiệu | Nội dung đính chính các chỉ tiêu sử dụng đất                                                                                          |
|-----|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | CQ-8    | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 3 thành 5      |
| 4   | CQ-09   | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 3 thành 5      |
| 5   | CQ-11   | Thay đổi mật độ xây dựng từ: 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ: 0,9 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 3 thành 5    |
| 6   | CQ-11.1 | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ: 0,9 thành 2,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 3 thành 5     |
| 7   | CO-01   | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,6 thành 1,2; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 3      |
| 8   | HT-38   | Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,8 thành 1,2; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 2 thành 3                                                 |
| 9   | HTKT-7  | Thay đổi mật độ xây dựng từ: 30% thành 0%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,3 thành 0,0 ; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 1,0 thành 0,0 |
| 10  | HTKT-8  | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 0%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,3 thành 0,0; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 1,0 thành 0,0   |
| 11  | HTKT-9  | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 0%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,3 thành 0%; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 1 thành 0        |

**1.3. Đính chính thay đổi mật độ xây dựng khu số 3 tại Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh:**

| STT | Ký hiệu | Nội dung đính chính các chỉ tiêu sử dụng đất                                           |
|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | GDTX-1  | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 1,2 |
| 2   | CAQ-3   | Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 2,0; Thay đổi tầng cao tối đa 3 thành 5        |

**1.4. Đính chính thay đổi mật độ xây dựng khu số 4 tại Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh:**

| STT | Ký hiệu | Nội dung đính chính các chỉ tiêu sử dụng đất                                                                                     |
|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | CQ-6    | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 1,2                                           |
| 2   | ODT-05  | Thay đổi mật độ xây dựng từ 50% thành 70%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 1,5 thành 2,8; Thay đổi số tầng cao tối đa từ 3 thành 4 |

**1.5.** Đính chính thay đổi mật độ xây dựng khu số 5 tại Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh:

| STT | Ký hiệu | Nội dung đính chính các chỉ tiêu sử dụng đất                                           |
|-----|---------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | PTH-2   | Thay đổi mật độ xây dựng từ 30% thành 40%; Thay đổi hệ số sử dụng đất từ 0,9 thành 1,2 |

**2. Các nội dung khác:** Giữ nguyên theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 và Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

**Điều 2.** Giao UBND huyện Yên Châu:

**1.** Phối hợp với Sở Xây dựng cập nhật các nội dung đính chính quy hoạch, thực hiện lưu trữ hồ sơ, quản lý quy hoạch theo quy định.

**2.** Hoàn thiện hồ sơ, bàn giao cho các cơ quan quản lý có liên quan, tổ chức công bố, công khai nội dung đính chính quy hoạch theo đúng quy định; rút kinh nghiệm trong công tác kiểm duyệt hồ sơ quy hoạch trước khi trình duyệt để tránh phải điều chỉnh, đính chính nhiều lần.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công thương, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND huyện Yên Châu; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Minh**